

Mẫu CBTT/SGDHCM - 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của TGD
SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
VICASA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/CV-HĐQT-VCS

V/v: CBTT Tài liệu ĐHĐCĐ thường
niên năm 2026

Đồng Nai, ngày 02 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA**
- Mã chứng khoán: **VCA**
- Địa chỉ: Số 1, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại: 0251 3836148 Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: (Bà) Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Chức vụ: Phụ trách kế toán Công ty. Điện thoại (di động): 0979575985
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố: **Công ty Cổ phần Thép VICASA công bố thông tin Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/04/2026 tại đường dẫn: <http://www.vicasasteel.com>
- Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Công ty

Người được ủy quyền CBTT



Nguyễn Thị Ngọc Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Mã số: 3600961762
Địa chỉ: Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai
Tel: 0251.3836148; Email: vicasasteel@vicasasteel.com

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

THƯ MỜI

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Thép VICASA

Hội đồng Quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian: 8h00 - ngày 24 tháng 4 năm 2026 (Thứ Sáu)

2. Địa điểm: Công ty Cổ phần Thép VICASA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai.

3. Nội dung đại hội:

- Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2025; phương hướng nhiệm vụ năm 2026;
- Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025;
- Báo cáo đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2025;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025;
- Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025;
- Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2026;
- Tờ trình tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2026;
- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
- Tờ trình thông qua chủ trương hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Thành viên HĐQT Công ty;
- Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Tài liệu Đại hội: Được Công ty đăng tải tại website www.vicasasteel.com kể từ ngày 02/04/2026 và gửi bản in/quét mã QR Code đến Quý cổ đông khi tham dự Đại hội.

5. Xác nhận tham dự Đại hội: Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội (theo mẫu) trước 11h00 ngày 21/04/2026 gửi về:

Công ty Cổ phần Thép VICASA

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0987 563356 - Ms Kim Anh 0932.746543 - Ms Kim Tuyền.

Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp hoặc giấy ủy quyền (nếu có).
- Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bảo Khánh



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA
VICASA STEEL JOINT STOCK COMPANY

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: 8h00' - Ngày 24 tháng 4 năm 2026 (Thứ Sáu)

STT	Thời gian	Nội dung
1	8h00 - 8h10	Khai mạc đại hội, chào cờ, giới thiệu đại biểu.
2	8h10 - 8h15	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu.
3	8h15 - 8h20	Giới thiệu thành phần tham dự, giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
4	8h20 - 8h30	Thông qua chương trình và quy chế làm việc ĐHĐCĐ năm 2026.
5		Nội dung:
5.1	8h30 - 8h45	Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025; phương hướng nhiệm vụ năm 2026.
5.2	8h45 - 9h00	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025. - Báo cáo đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2025.
5.3	9h00 - 9h10	Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.
5.4	9h10 - 9h20	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.
5.5	9h20 - 9h35	Các tờ trình: 1. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025; 2. Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2026; 3. Tờ trình tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2026; 4. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026; 5. Tờ trình thông qua chủ trương hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Thành viên HĐQT.
5.6	9h35 - 9h50	- Thảo luận, đóng góp ý kiến của các cổ đông. - Trả lời và phát biểu ý kiến của Đoàn chủ tọa và khách mời.
5.7	9h50 - 10h10	- Hướng dẫn biểu quyết nội dung các tờ trình bằng hình thức bỏ phiếu. - Bỏ phiếu biểu quyết; Ban kiểm phiếu làm việc. - Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
6	10h10 - 10h25	- Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026; - Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
7	10h25 - 10h30	Chào cờ bế mạc đại hội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----o0o-----



....., ngày ... tháng ... năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA**

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA

❖ Bên ủy quyền:

Cổ đông:
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy ĐKKD số: Cấp ngày:
Nơi cấp:
Địa chỉ
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu/Đại diện sở hữu..... cổ phần của Công ty Cổ phần Thép VICASA.

❖ Bên nhận ủy quyền:

Tên tổ chức/cá nhân:
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy ĐKKD số: Cấp ngày:
Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại:

Thay mặt bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Thép VICASA và bầu cử, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

.....

.....

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thép VICASA.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thép VICASA diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Thép VICASA diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thép VICASA đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thép VICASA.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty cổ phần Thép VICASA
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Kiểm soát viên : Thành viên Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 25/3/2026 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện .

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của BTC Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Chủ tịch Đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa Đại hội cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 03 người, 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự

hợp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập ban kiểm phiếu.

4.8 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản/hình thức khác.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung, chương trình để Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau: Hình thức biểu quyết trực tiếp:
 - Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.
 - Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội

4.10.2 Cách thức biểu quyết

17c
T
IA
EP
AS
NG

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này phải có chữ ký và ghi rõ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, rách nát, ... viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên (được viết tay) của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày **25/3/2026**) tổng số cổ phần của Công ty là: 15.187.322 cổ phần tương đương với 15.187.322 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.



- Lưu ý:
- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết hợp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng Cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

5. THỰC HIỆN

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BĐH, BKS;
- Lưu: HĐQT Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bảo Khánh

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ
NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Phần I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ SXKD NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Thị trường thép thế giới:

Thị trường thép thế giới có sự phục hồi nhẹ. Tuy nhiên, thị trường thép thế giới đang đối mặt với nhiều thách thức do chính sách thuế quan của Mỹ và mức độ hồi phục yếu của nền kinh tế thế giới, kinh tế Trung Quốc gặp nhiều khó khăn, tình hình xung đột địa chính trị nhiều khu vực trên thế giới như: Nga – Ucraina, khu vực Trung Đông, Thái Lan – Campuchia... Tâm lý lo lắng vì cuộc chiến thương mại giữa các cường quốc kinh tế vẫn đang rất căng thẳng, các nước vẫn đang tìm giải pháp chung để ổn định tình hình kinh tế chính trị thế giới.

2. Thị trường trong nước:

Thị trường tiêu thụ có cải thiện nhưng nhìn chung thị trường xây dựng dân dụng vẫn còn chậm, hoạt động xây dựng dân dụng tăng không nhiều; tăng trưởng thị trường chủ yếu vẫn là các công trình dự án đầu tư công được duy trì và đẩy mạnh tiến độ thi công.

3. Nguyên nhân khách quan

Từ ngày 10/2/2025 đến ngày 17/3/2025 Công ty bị sự cố hư máy biến thế 25MVA lò EAF làm ngưng sản xuất gây ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ.

Ngày 19/6/2025, Công ty đã bị dừng sản xuất do bị niêm phong nguồn phát sinh chất thải theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra liên ngành của UBND tỉnh Đồng Nai. Tỉnh Đồng Nai buộc Công ty phải di dời và hoàn trả mặt bằng cho tỉnh Đồng Nai để triển khai đề án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa I thành khu Đô thị - Thương mại – Dịch vụ.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

a) Việc thực hiện kế hoạch:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Năm 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % so với năm trước	Tỷ lệ % so với KH 2025
I	Sản xuất:						
1	- Phôi thép	Tấn	103.498	150.000	64.622	62,44	43,08
2	- Thép cán	Tấn	81.843	105.000	40.302	49,24	38,38

Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Năm 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % so với năm trước	Tỷ lệ % so với KH 2025
II	Tiêu thụ:						
1	- Phôi thép	Tấn	19.183	42.000	29.214	152,29	69,56
2	- Thép cán	Tấn	82.508	105.000	45.184	54,76	43,03
III	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.358	1.358	1.017	74,88	74,88
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,047	5,00	(22,26)		
V	Cổ tức	%	-	-	-	-	-

Kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2025 Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh doanh rất khó khăn do nhiều yếu tố khách quan, đạt được kết quả trên là thành quả rất đáng ghi nhận, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã cố gắng duy trì sản xuất, đáp ứng đầy đủ, kịp thời chủng loại sản phẩm cho thị trường, đồng thời cố gắng đảm bảo việc làm, ổn định đời sống cho Người lao động.

b. Công tác quản lý vật tư nguyên liệu

- Công ty đã chủ động đáp ứng kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dần đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.

- Bố trí hợp lý mặt bằng kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa.
- Sử dụng 100% liệu nội, tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu trong nước sản xuất được, hỗ trợ sử dụng sản phẩm của các đơn vị trong hệ thống.
- Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm.
- Sau khi bị dừng sản xuất, Công ty đã thực hiện việc xử lý các nguyên vật liệu tồn kho và xử lý tài sản đúng các quy định của Công ty.

2. CÔNG TÁC KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN, AN TOÀN

2.1. Công tác kỹ thuật

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện một số công tác kỹ thuật như sau:

- Sửa chữa MBT 25MVA lò EAF, lọc dầu định kỳ MBT 6MVA lò LF.
- Bảo dưỡng động cơ 900KW số 02 của hệ thống xử lý khí thải, bảo dưỡng động cơ DC 420KW máy cán K19 thép thanh.
- Thay mới dầm rung khuôn số 02 máy đúc liên tục.
- Gia công lại lỗ trục bánh răng hộp số sơ cấp giá cán K8-9.
- Thay mới bộ giải nhiệt cấp 2, máy cắt tổng 3.3KV-630A máy nén khí Elliott.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng vôi và than kiple bằng cách lấy mẫu lưu, phân tích mẫu xỉ lưu khi sử dụng có dấu hiệu bất thường.
- Kiểm soát chất lượng phôi nóng cho cán nóng trực tiếp và phôi nguội bán ngoài.

- Lập chuyên đề về tiêu hao điện của PX. Luyện và đề ra các giải pháp để đạt được mục tiêu đề ra, đánh giá hàng ngày, hàng tuần để điều chỉnh kịp thời bằng cách rà soát các hướng dẫn công việc, quy định về nấu luyện, tính toán nhiệt ra lò EBT, LF nhằm giảm tiêu hao điện của PX. Luyện.

- Tính toán, so sánh hiệu quả của phương án mua Oxy lỏng và duy trì Trạm Oxy xem phương án nào có lợi hơn để lựa chọn nhằm giảm chi phí cho Công ty.

- Kiểm soát nhiệt độ ra thép lò EBT, lò LF và nhiệt độ thùng trung gian.

- Duy trì định kỳ thực hiện công tác bảo trì phòng ngừa tại các đơn vị.

- Triển khai tháo dỡ các nhà xưởng, thiết bị của Công ty để hoàn trả mặt bằng cho tỉnh Đồng Nai.

2.2 Công tác đầu tư, sửa chữa lớn

- Công tác đầu tư: Do vướng di dời nên Công ty không có đầu tư mới trong năm. Hiện tại Công ty đang lập phương án di dời và đang tìm địa điểm phù hợp để triển khai thực hiện.

- Công tác sửa chữa lớn: Kế hoạch sửa chữa lớn trong năm 2025 tổng số tiền 7,150 tỷ đồng. Trong năm 2025, tổng chi phí sửa chữa lớn là 4,492 tỷ đồng. Trong đó, Sửa chữa máy biến thế 25MVA-15/0,63Kv lò EBT 4,268 tỷ đồng.

2.3 Công tác an toàn vệ sinh môi trường

- Ban An toàn tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn của các đơn vị trong Công ty, đánh giá rủi ro các khu vực có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

- Triển khai tháng an toàn vệ sinh lao động theo kế hoạch.

- Phối hợp Công đoàn tổ chức Hội nghị tập huấn An toàn vệ sinh lao động.

- Tiếp tục triển khai sinh hoạt an toàn đầu giờ cho các ca sản xuất tại các đơn vị.

- Chuyển giao chất thải rắn, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng thu gom xử lý.

- Công ty đã nhận Quyết định số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với Công ty do chưa có giấy phép về môi trường. Số tiền Công ty bị xử phạt: 335.000.000 đồng. Hình thức phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động phát thải. Buộc Công ty phải di dời đến địa điểm phù hợp quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nguyên nhân Công ty chưa có giấy phép môi trường: Do Khu công nghiệp Biên Hòa I đang thuộc diện di dời nên cơ quan thẩm quyền không cấp giấy phép môi trường cho các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Biên Hòa I. Ngày 19/6/2025, Đoàn kiểm tra liên ngành đã tổ chức thi hành quyết định xử phạt và đình chỉ hoạt động sản xuất của Công ty.

3. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Lập các báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo quản trị nội bộ và theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

- Tổ chức họp rà soát chi phí định kỳ hàng tháng, kiểm soát chặt chẽ chi phí giá thành thường xuyên, cung cấp cho các phòng ban, phân xưởng để giúp sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả, đồng thời tính toán lượng tồn kho ở mức hợp lý nhất để tiết kiệm và giảm chi phí cho Công ty.

4. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- Thực hiện tốt việc kiểm soát chất lượng sản phẩm. Không có khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm của Công ty.

+ Tỷ lệ thời loại 1: 97,6%.

+ Tỷ lệ thép cán loại 1: 99,89%.

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng thép cán gia công cho Thép Việt Úc để đảm bảo đạt chất lượng như thỏa thuận trong hợp đồng, tạo uy tín đối với khách hàng.

5. CÔNG TÁC TỔ CHỨC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, ĐÀO TẠO

5.1. Công tác tổ chức lao động, tiền lương:

- Số lao động đến ngày 31/12/2025: 96 người (Trong đó có 21 người nghỉ ngưng việc do dừng sản xuất từ ngày 19/6/2025). Lao động bình quân trong năm: 233 người/tháng.

+ Số lao động giảm so với đầu năm là: 199 lao động. Nghỉ hưu: 01 người, nghỉ việc: 198 người.

+ Số lao động được tuyển dụng trong năm: 05 người.

- Thực hiện công tác bổ nhiệm 02 cán bộ: 01 cán bộ giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kinh doanh, 01 cán bộ bổ nhiệm giữ chức Trưởng phòng Tổ chức hành chính.

+ Chính sách đối với người lao động: Mặc dù Công ty bị dừng hoạt động sản xuất theo yêu cầu của tỉnh Đồng Nai từ ngày 19/6/2025 nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì các chế độ phúc lợi cho người lao động, điển hình như sau: Khám sức khỏe định kỳ, duy trì mức mua bảo hiểm sức khỏe, hỗ trợ mức lương tối thiểu vùng cho lao động tạm nghỉ ngưng việc từ 01/7/2025 đến 30/9/2025, chi trả đầy đủ chế độ trợ cấp thôi việc khi lao động nghỉ việc, giải quyết đầy đủ chế độ lương thưởng cho các lao động đi làm để duy trì hoạt động Công ty như: Quản lý, văn phòng, tháo lắp thiết bị, bảo vệ...

- Tổ chức các lớp huấn luyện an toàn về lao động cho Người lao động theo đúng các quy định.

Mức thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên năm 2025 là: 13,74 triệu đồng/người/tháng.

6. CÔNG TÁC KHÁC

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty vào ngày 09/4/2025, Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 26/12/2025 để thông qua phương án di dời và xử lý tài sản của Công ty, thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sau khi Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP thoái vốn tại Công ty.

Phối hợp với Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP thực hiện thành công công tác thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty.


IV. KẾT LUẬN:

Kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2025 Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty bị ngưng sản hoạt động sản xuất từ ngày 19/6/2025 đến nay, bị buộc phải triển khai di dời theo yêu cầu của tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên trong bối cảnh bị ngưng hoạt động sản xuất hơn 6 tháng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã cố gắng tìm mọi giải pháp để duy trì hoạt động, triển khai di dời Công ty. Tập thể Ban lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Thép VICASA quyết tâm cùng đoàn kết vượt qua khó khăn, phấn đấu triển khai thành công dự án di dời Công ty nhanh nhất có thể để sớm khôi phục hoạt động sản xuất của Công ty.

PHẦN II
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Ngày 26/12/2025, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 đã thông qua chủ trương triển khai dự án di dời Công ty. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục tháo dỡ để hoàn trả mặt bằng cho tỉnh Đồng Nai, đang tìm kiếm địa điểm phù hợp để thuê đất và sớm triển khai thực hiện dự án.

Trong năm 2026, Công ty tập trung tối đa nguồn lực để thực hiện triển khai di dời Công ty đến địa điểm mới. Phần đầu đến tháng 01/2027 sẽ khôi phục sản xuất thép cán, cuối năm 2027 sẽ khôi phục sản xuất thép luyện./.

Nơi nhận: 
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu: VT, HĐQT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khắc Sơn



Số: 05 /BC-HĐQT-VCA

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025**

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2025 như sau:

I. VỀ NHÂN SỰ

Theo kết quả biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 ngày 26/12/2025, Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty cổ phần Thép VICASA nhiệm kỳ 2023 – 2028 gồm có 03 thành viên như sau:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Bảo Khánh | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Phạm Quý Giáp | Thành viên HĐQT độc lập |
| 3. Ông Bùi Tuấn Anh | Thành viên HĐQT không điều hành |

Trong năm Hội đồng quản trị có sự thay đổi nhân sự như sau:

- Ngày 09/4/2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã biểu quyết thông qua:

+ Miễn nhiệm Ông Nguyễn Xuân Sơn – Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028; bổ nhiệm Ông Nguyễn Phú Dương giữ chức vụ Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028.

+ Miễn nhiệm Ông Nguyễn Văn Thoan – Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028; bổ nhiệm Ông Dương Văn Hà giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028.

- Ngày 26/12/2025, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 đã biểu quyết thông qua:

+ Miễn nhiệm Ông Nguyễn Phú Dương – Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028; Miễn nhiệm Ông Nguyễn Bảo Giang – Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028; Miễn nhiệm Ông Hoàng Ngọc Chiến – Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028; Miễn nhiệm Ông Ngô Tiến Thọ – Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028; Miễn nhiệm Ông Dương Văn Hà – Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028;

+ Bổ nhiệm Ông Nguyễn Bảo Khánh giữ chức vụ Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028; Bổ nhiệm Ông Phạm Quý Giáp giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028; Bổ nhiệm Ông Bùi Tuấn Anh giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028. Ông Phạm Quý Giáp giữ chức vụ Thành viên HĐQT.

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025:

- Hội đồng Quản trị họp hàng quý trong năm. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách là quan sát viên.

- Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông: Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 09/4/2025)	1/1	100%	-
2	Ông: Nguyễn Phú Dương	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 09/4/2025, miễn nhiệm ngày 26/12/2025)	5/5	100%	-
3	Ông: Nguyễn Bảo Giang	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/12/2025)	6/6	100%	-
4	Ông: Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/12/2025)	6/6	100%	-
5	Ông: Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 09/4/2025)	1/1	100%	-
6	Ông: Dương Văn Hà	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 09/4/2025, miễn nhiệm ngày 26/12/2025)	5/5	100%	-
7	Ông Ngô Tiến Thọ	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/12/2025).	6/6	100%	-
8	Ông: Nguyễn Bảo Khánh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/12/2025)	2/2	100%	-
9	Ông: Phạm Quý Giáp	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 26/12/2025)	2/2	100%	-
10	Ông: Bùi Tuấn Anh	Thành viên HĐQT không điều hành (Bổ nhiệm ngày 26/12/2025)	2/2	100%	-

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng Quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-VCA	15/01/2025	Nghị quyết Hội HĐQT quý IV/2024 của Công ty.	100%
2	02/NQ-HĐQT-VCA	11/02/2025	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và ngày đăng ký cuối cùng	100%
3	04/NQ-HĐQT-VCA	09/4/2025	Nghị quyết phê duyệt bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
4	05/NQ-HĐQT-VCA	25/4/2025	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị Quý I/2025	100%
5	06/NQ-HĐQT-VCA	25/4/2025	Nghị quyết về việc sáp nhập PX. Luyện thép và PX. Cán thép thành Xưởng sản xuất.	100%
6	07/NQ-HĐQT-VCA	27/6/2025	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị Quý II/2025	100%
7	08/NQ-HĐQT-VCA	08/9/2025	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị về việc thông qua chủ trương hợp đồng giữa Công ty với Công ty TNHH MTV VINAUSTEEL	100%
8	09/NQ-HĐQT-VCA	15/10/2025	Nghị quyết tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
9	10/NQ-HĐQT-VCA	07/11/2025	Nghị quyết về việc hủy danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng 05/11/2025	100%
10	11/NQ-HĐQT-VCA	04/12/2025	Nghị quyết thông qua dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
11	13/NQ-HĐQT-VCA	26/12/2025	Nghị quyết phê duyệt bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
12	14/NQ-HĐQT-VCA	29/12/2025	Nghị quyết thông qua chủ trương hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của thành viên HĐQT Công ty	100%
13	01/QĐ-HĐQT-VCA	07/02/2025	Quyết định ban hành chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2025	100%
14	02/QĐ-HĐQT-VCA	07/02/2025	Quyết định kế hoạch sửa chữa lớn và phụ tùng thay thế năm 2025	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	03/QĐ-HĐQT-VCA	07/02/2025	Quyết định kế hoạch các khoản chi có tính chất phúc lợi cho năm 2025	100%
16	04/QĐ-HĐQT-VCA	25/02/2025	Quyết định về việc phê duyệt chủ trương sửa chữa máy biến thế	100%
17	05/QĐ-HĐQT-VCA	10/3/2025	Quyết định về việc triệu tập Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 và thành lập Ban tổ chức đại hội	100%
18	06/QĐ-HĐQT-VCA	25/4/2025	Quyết định về việc trích lập quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng năm 2024	100%
19	07/QĐ-HĐQT-VCA	25/4/2025	Quyết định về việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT Công ty	100%
20	08/QĐ-HĐQT-VCA	26/4/2025	Quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty	100%
21	09/QĐ-HĐQT-VCA	11/6/2025	Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Vương Thanh Đường	100%
22	10/QĐ-HĐQT-VCA	30/12/2025	Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Vũ Hồng Khanh	100%
23	11/QĐ-HĐQT-VCA	30/12/2025	Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký HĐQT đối với Ông Hồ Duy Khải	100%
24	12/QĐ-HĐQT-VCA	30/12/2025	Quyết định về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%

- Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị Công ty:

Hiện nay, Hội đồng Quản trị có 03 thành viên, danh sách như sau:

- + Ông Nguyễn Bảo Khánh Chủ tịch HĐQT
- + Ông Phạm Quý Giáp Thành viên HĐQT độc lập
- + Ông Bùi Tuấn Anh Thành viên HĐQT không điều hành

2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất kinh doanh và giao cho Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. HĐQT đã xác định chiến lược, mục tiêu sản xuất kinh doanh và giao cho Tổng Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị từng quý.

Trong năm, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát, để đảm bảo công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Năm 2025, Kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2025 Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty bị ngưng sản hoạt động sản xuất từ ngày 19/6/2025 đến nay, bị buộc phải triển khai di dời theo yêu cầu của tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên trong bối cảnh bị ngưng hoạt động sản xuất hơn 6 tháng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã cố gắng tìm mọi giải pháp để duy trì hoạt động, triển khai di dời Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Vốn điều lệ của Công ty: 151,873 tỷ đồng (Thời điểm 31/12/2025).

- Một số chỉ tiêu và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 cụ thể như sau:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Năm 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % so với năm trước	Tỷ lệ % so với KH 2025
I	Sản xuất:						
1	- Phôi thép	Tấn	103.498	150.000	64.622	62,44	43,08
2	- Thép cán	Tấn	81.843	105.000	40.302	49,24	38,38
II	Tiêu thụ:						
1	- Phôi thép	Tấn	19.183	42.000	29.214	152,29	69,56
2	- Thép cán	Tấn	82.508	105.000	45.184	54,76	43,03
III	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.358	1.358	1.017	74,88	74,88
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,047	5,00	(22,26)		
V	Cổ tức	%	-	-	-	-	-

- Công tác đầu tư: Không có.

- Công tác sửa chữa lớn: Kế hoạch đầu tư, sửa chữa lớn trong năm 2025 (chưa VAT) là 7,150 tỷ đồng. Trong năm 2025, công ty đã thực hiện công tác sửa chữa lớn với tổng số tiền là 4,492 tỷ đồng. trong đó, chi phí sửa chữa máy biến thế là 4,268 tỷ đồng.

3. Về thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong năm 2025:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2025 (VNĐ)	Thù lao + thưởng (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 09/4/2025)	369.108.000		369.108.000
2	Nguyễn Phú Dương	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 09/4/2025, miễn nhiệm 26/12/2025)		54.000.000	54.000.000
3	Ngô Tiến Thọ	- Tổng Giám đốc, TV HĐQT (Miễn nhiệm 26/12/2025).	501.106.000	36.000.000	537.106.000
4	Hoàng Ngọc Chiến	TV HĐQT (Miễn nhiệm 26/12/2025)		60.000.000	60.000.000

5	Nguyễn Văn Thoan	TV HĐQT (Miễn nhiệm 09/4/2025)		24.000.000	24.000.000
6	Dương Văn Hà	TV HĐQT (Bổ nhiệm 09/4/2025, miễn nhiệm 26/12/2025)		36.000.000	36.000.000
7	Nguyễn Bảo Giang	TV HĐQT (Miễn nhiệm 26/12/2025)		60.000.000	60.000.000
8	Vương Thanh Đường	Phó TGD (Miễn nhiệm 01/7/2025)	283.155.000		283.155.000
9	Nguyễn Quyết Chiến	Phó TGD (miễn nhiệm 01/02/2026)	447.172.000		447.172.000
10	Vũ Hồng Khanh	Phó TGD (Miễn nhiệm 16/01/2026)	430.579.000		430.579.000
Tổng cộng			2.031.120.000	270.000.000	2.301.120.000

Mức thù lao trên đây được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, HĐQT kính báo cáo để Quý cổ đông nắm rõ.

4. Về công tác giám sát đối với hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành:

- Năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Ban điều hành để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vận hành theo mục tiêu và kỳ vọng của cổ đông. Hội đồng Quản trị luôn có những chỉ đạo kịp thời trước những biến động của thị trường và tình hình thực tiễn của địa phương.

- Năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã theo sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đề ra; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

5. Công tác quản trị và niêm yết cổ phiếu tại HOSE:

- Từ ngày 10/3/2021 cổ phiếu của Công ty (mã VCA) đã được niêm yết chính thức tại sàn Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Công ty đã thực hiện minh bạch thông tin, quản trị cũng như nâng cao giá trị doanh nghiệp và khả năng huy động vốn cho các dự án trong thời gian tới.

- Lập các báo cáo định kỳ và báo cáo quản trị nội bộ theo yêu cầu của các cơ quan chức năng: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM; Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

6. Công ty di dời Công ty và xử lý tài sản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 26/12/2025:

6.1. Công tác di dời

Ngày 26/12/2025, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trong đó đã thông qua chủ trương di dời Công ty đến địa điểm mới, và phương án đầu tư di dời Công ty với các nội dung chính như sau:

Địa điểm di dời: Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn địa điểm phù hợp với yêu cầu ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Hội đồng quản trị đang chọn lọc một số địa điểm phù hợp tại các khu công nghiệp trong và ngoài Tỉnh Đồng

Nai, đang tiến hành thương lượng việc thuê đất với Ban quản lý các Khu công nghiệp nói trên.

- Thời gian thực hiện dự kiến: Từ năm 2025 đến năm 2027 (Dự kiến sẽ tiến hành ký hợp đồng thuê đất và bắt đầu triển khai dự án trong quý II/2026).

Để duy trì hoạt động liên tục trong thời gian Công ty tháo dỡ để bàn giao mặt bằng cho tỉnh Đồng Nai, Công ty đã thuê địa điểm để di dời trụ sở chính của Công ty. Ngày 06/02/2026, Công ty đã tổ chức lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản và đã được thông qua các nội dung thay đổi Điều lệ Công ty, thay đổi địa chỉ trụ sở chính như sau:

Địa chỉ trụ sở chính cũ: KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính mới: Số 1, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

6.2. Công tác xử lý tài sản

Công ty đã tổ chức thanh lý nguyên vật liệu tồn kho như: sắt thép phế liệu, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất phôi thép, cán thép... Thanh lý các công cụ, dụng cụ, hệ thống dây chuyền sản xuất, thiết bị máy móc không phù hợp khi chuyển sang nhà máy mới... Đối với các thiết bị có thể sử dụng cho dự án mới thì tiến hành bảo dưỡng đóng gói để chờ chuyển sang lắp đặt ở nhà máy mới. Hiện nay về cơ bản Công ty đã hoàn thành việc thanh lý nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, các thiết bị không sử dụng.

Đối với việc thanh lý nhà xưởng, kho bãi: Thực hiện theo tiến độ tháo dỡ của Công ty, hiện nay đã tháo dỡ được khoảng 70% mặt bằng, nhà xưởng kho bãi.

III. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH

Trong năm 2025 Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan của Công ty như sau:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Đơn vị 100% vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 349.182.076.036 đồng Các khoản giảm trừ doanh thu: 1.407.172.400 đồng Mua hàng hóa, vật tư: 498.000.000 đồng Chi phí tài chính: 6.492.442 đồng Chi phí bán hàng : 1.201384.394 đồng	
2	Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 156.552.093.412 đồng Chi phí bán hàng: 14.058.765 đồng	

3	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 130.696.207.800 đồng	
4	Công ty Cổ phần Kim Khí TP.Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 65.203.267.017 đồng Mua hàng hóa, vật tư: 1.253.175.000 đồng	
5	Công ty Cổ phần Cơ Khí Luyện Kim	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 30.825.000 đồng Mua hàng hóa, vật tư: 1.394.866.500 đồng	
6	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 100.970.776 đồng Chi phí bán hàng: 145.969.692 đồng	
7	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty liên kết với Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 11.033.052.452 đồng	
8	Công ty Cổ phần Lưới Thép Bình Tây	Công ty liên kết với Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Mua hàng hóa, vật tư: 4.176.545 đồng	
9	Công ty TNHH MTV Vinausteel	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 08/NQ-HĐQT-VCA ngày 08/9/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 38.331.835.100 đồng	Gia công thép cán
10	Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Mua dịch vụ: 42.044.444 đồng Chi phí bán hàng: 1.529.451.270 đồng	
11	Công ty CP Mạ Kẽm Công Nghiệp Vingal - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Mua hàng hóa vật tư: 129.629.500 đồng	

12	Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Ông Nguyễn Bảo Giang (TV HĐQT Công ty) giữ chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Nghị Quyết số: 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 84.793.664.895 đồng	
----	---	---	--	---	--

Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thép Vinakyoiei	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 130.696.207.800 đồng	
2	Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Ông Nguyễn Bảo Giang (TV HĐQT Công ty) giữ chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Nghị Quyết số: 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 84.793.664.895 đồng	

Báo cáo về giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thép Vinakyoiei	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 130.696.207.800 đồng	
2	Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Ông Nguyễn Bảo Giang (TV HĐQT Công ty) giữ chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Nghị Quyết số: 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 84.793.664.895 đồng	

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Hoàn tất công tác tháo dỡ để hoàn trả mặt bằng cho tỉnh Đồng Nai, tìm kiếm địa điểm phù hợp để thuê đất và sớm triển khai thực hiện dự án.

Trong năm 2026, Công ty sẽ tập trung tối đa nguồn lực để thực hiện triển khai di dời Công ty đến địa điểm mới. Phần đầu đến tháng 01/2027 sẽ khôi phục sản xuất thép cán, cuối năm 2027 sẽ khôi phục sản xuất thép luyện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bảo Khánh



Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP NĂM 2025

Thực hiện quy định về Quản trị Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Thép VICASA đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty trong năm 2025 như sau:

1. Về cơ cấu tổ chức

Trong năm 2025, toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty theo chuẩn mực.

2. Về công tác tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

- Năm 2025, HĐQT Công ty Cổ phần Thép VICASA đã tổ chức 8 cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát tham dự họp để giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Công ty đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và thận trọng để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển kinh doanh, xây dựng hệ thống quản trị và văn hóa doanh nghiệp, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh đã được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.

- Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và chiến lược sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

3. Về công tác giám sát Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành:

- HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Tổng Giám đốc và các thành viên trong Ban Điều hành. Các thành viên HĐQT giữ các chức danh trong Ban Điều hành đã thường xuyên tham dự các cuộc họp sơ kết định kỳ và đột xuất trong Công ty, từ đó Thành viên HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty. Các quyết định, hoạt động điều hành của Ban Điều hành và HĐQT đã có sự phối hợp tốt, đồng thời đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra.



- Công tác giám sát đối với hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và các thành viên trong Ban Điều hành được duy trì thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Các cấp quản lý đã chủ động trong công việc và nỗ lực, quyết tâm thực hiện công việc, để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các thành viên HĐQT cũng đã chia sẻ cho Ban Điều hành và các cấp quản lý những kinh nghiệm, cũng như tham vấn trong những buổi họp định kỳ.

4. Về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; giữa Công ty với Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Trong năm 2025, Công ty đã tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; giữa Công ty với Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

5. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

- Các công việc và hoạt động của HĐQT trong năm 2025 đã được thực hiện tập trung đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Tất cả thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật. HĐQT cũng đã thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển Công ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách của Ban Điều hành được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm có giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Công ty Cổ phần Thép VICASA trong năm 2025.

Trân trọng./.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Phạm Quý Giáp



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 36
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép VICASA (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép VICASA đổi tên từ Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025. Công ty tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025, các cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

- Thông qua việc di dời Công ty đến địa điểm mới, đồng thời Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tìm địa điểm phù hợp. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa tìm được địa điểm di dời.
- Thông qua chủ trương đầu tư dự án có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Thông qua phương án xử lý các tài sản có tổng giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Thay đổi tên Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;
- Thông qua chủ trương hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Thành viên HĐQT với Công ty;
- Miễn nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028;
- Bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028;
- Miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028;
- Bầu cử Bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028;

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 06/02/2026, các cổ đông Công ty đã thông qua các nội dung sau bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- Thông qua tờ trình thay đổi địa chỉ trụ sở chính;
- Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

Công ty Cổ phần Thép VICASA

Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bảo Khánh	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Phạm Quý Giáp	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Nguyễn Phú Dương	Chủ tịch	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 26/12/2025
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Ngô Tiến Thọ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Dương Văn Hà	Thành viên	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 26/12/2025
Ông Nguyễn Văn Thoan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 23/03/2026
Ông Ngô Tiến Thọ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/03/2026
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2026
Ông Vũ Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2026
Ông Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Long	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 26/12/2025
Bà Bùi Thị Đoan Thục	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/12/2025
Bà Lê Thị Mộng Tuyền	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/12/2025
Bà Ngô Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 26/12/2025
Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Nguyễn Bạch Đường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến hết ngày 22/03/2026 là Ông Ngô Tiến Thọ - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 23/03/2026 cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Bảo Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Nguyễn Khắc Sơn - Giám đốc được Ông Nguyễn Bảo Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo giấy ủy quyền số 01-26/UQ-VCS ngày 26/03/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Khắc Sơn

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép VICASA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép VICASA được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 34 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, nhà máy của Công ty nằm trong phạm vi quy hoạch chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị – Thương mại – Dịch vụ theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai và Thông báo số 438/TB-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Biên Hòa. Ngoài ra, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/05/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty bị đình chỉ hoạt động trong 3,75 tháng do chưa có giấy phép môi trường và buộc phải di dời toàn bộ cơ sở sản xuất trước ngày 01/12/2025. Do đó, Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất tại lò luyện thép và sản cán thành phẩm. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện di dời nhà máy cũng như chưa có phương án chính thức về kế hoạch di dời. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá việc Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp hay không.

Đến thời điểm hiện tại, Chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi và xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu và phụ tùng với tổng giá trị tại thời điểm 31/12/2025 là 30.459.189.266 VND. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		163.971.469.706	294.871.007.160
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	90.676.733.224	28.034.599.442
111	1. Tiền		4.676.733.224	28.034.599.442
112	2. Các khoản tương đương tiền		86.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.723.106.682	63.446.360.178
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	4.573.264.260	63.153.395.560
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	579.726.669	180.714.618
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	317.665.753	112.250.000
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý	07	252.450.000	-
140	IV. Hàng tồn kho	08	66.445.632.042	194.766.173.064
141	1. Hàng tồn kho		70.937.498.167	194.766.173.064
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.491.866.125)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.125.997.758	8.623.874.476
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	774.912.226	1.450.964.295
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	6.821.824.649
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	351.085.532	351.085.532
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.379.630.339	25.094.356.797
220	II. Tài sản cố định		7.725.915.887	17.144.721.483
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.725.915.887	17.144.721.483
222	- Nguyên giá		380.091.760.622	392.819.715.852
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(372.365.844.735)	(375.674.994.369)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	575.983.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	-	575.983.500
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.653.714.452	7.373.651.814
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.653.714.452	7.373.651.814
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		174.351.100.045	319.965.363.957

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.354.235.294	127.608.967.046
310	I. Nợ ngắn hạn		4.354.235.294	127.608.967.046
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	49.677.345	47.036.970.345
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	50.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.192.434.893	-
314	4. Phải trả người lao động		1.541.417.940	10.630.656.767
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	103.155.546	7.873.769.665
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.364.699.633	1.474.162.909
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	-	60.433.592.638
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		52.849.937	159.814.722
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		169.996.864.751	192.356.396.911
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	169.996.864.751	192.356.396.911
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		151.873.220.000	151.873.220.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		151.873.220.000	151.873.220.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.441.721.380	20.441.721.380
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.999.169.000	14.999.169.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(17.317.245.629)	5.042.286.531
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		4.938.588.236	4.005.303.583
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		(22.255.833.865)	1.036.982.948
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		174.351.100.045	319.965.363.957

Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Khắc Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.018.989.152.500	1.361.919.134.847
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.407.172.400	4.161.082.266
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.017.581.980.100	1.357.758.052.581
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.000.482.890.280	1.328.119.083.164
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.099.089.820	29.638.969.417
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.161.064.949	1.065.344.105
22	7. Chi phí tài chính	24	1.917.970.592	3.673.806.484
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		1.647.931.228	3.617.829.729
25	8. Chi phí bán hàng	25	8.070.237.499	12.739.005.135
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.787.735.307	13.244.604.487
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.515.788.629)	1.046.897.416
31	11. Thu nhập khác	27	2.344.199.836	-
32	12. Chi phí khác	28	8.084.245.072	-
40	13. Lợi nhuận khác		(5.740.045.236)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(22.255.833.865)	1.046.897.416
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	9.914.468
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(22.255.833.865)	1.036.982.948
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(1.465)	68



Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Khắc Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(22.255.833.865)	1.046.897.416
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.856.309.592	10.921.049.078
03	- Các khoản dự phòng		4.491.866.125	(4.701.735.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(604.357)	(66.500.348)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.585.956.930)	(150.930.177)
06	- Chi phí lãi vay		1.647.931.228	3.617.829.729
07	- Các khoản điều chỉnh khác		575.983.500	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.270.304.707)	10.666.610.698
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		64.792.743.898	(14.979.045.247)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		124.062.614.897	(26.554.916.566)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(62.509.830.971)	31.248.485.774
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.395.989.431	3.380.090.203
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.695.617.591)	(3.626.371.456)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(912.054.489)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(210.663.080)	(715.120.990)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		120.564.931.877	(1.492.322.073)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.400.000.000	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		266.847.181	150.930.177
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.666.847.181	150.930.177
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		329.016.034.250	720.253.239.348
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(389.449.626.888)	(709.105.166.724)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(156.656.995)	(141.962.325)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(60.590.249.633)	11.006.110.299
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		62.641.529.425	9.664.718.403

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.034.599.442	18.369.443.481
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		604.357	437.558
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>90.676.733.224</u>	<u>28.034.599.442</u>

Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Khắc Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép VICASA đổi tên từ Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025. Công ty tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 151.873.220.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 151.873.220.000 VND; tương đương 15.187.322 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 290 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất Sắt, thép, gang;
- Sản xuất khí đốt;
- Tái chế phế liệu.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, hoạt động sản xuất của Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể do bị đình chỉ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/05/2025 của Ủy ban Nhân dân (gọi tắt là "UBND") tỉnh Đồng Nai về việc tạm ngừng hoạt động đối với nguồn phát sinh chất thải không có giấy phép môi trường. Theo quyết định, Công ty buộc phải di dời nhà máy đến địa điểm phù hợp với quy hoạch và phân vùng môi trường; việc thi hành bắt đầu từ ngày 23/05/2025 và kéo dài trong thời hạn 3,75 tháng. Do đó, Công ty đã ngưng hoạt động sản xuất tại khu vực lò luyện thép và sản cán thành phẩm, khiến hoạt động sản xuất thép cán và phôi thép bị gián đoạn. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 34 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Theo kế hoạch, Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP đã hoàn tất việc thoái vốn toàn bộ tạo điều kiện cho nhà đầu tư mới có tiềm lực tiếp quản và triển khai kế hoạch di dời. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025, cổ đông Công ty thông qua chủ trương đầu tư "Dự án di dời Công ty Cổ phần Thép VICASA -VNSTEEL" đến địa điểm mới. Theo đó, dự án này có tổng mức đầu tư dự kiến từ 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự kiến từ năm 2025 đến 2027. Đồng thời, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 06/02/2026, các cổ đông Công ty đã thông qua việc thay đổi trụ sở chính Công ty đến số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, nhằm từng bước hoàn tất các thủ tục bàn giao mặt bằng, chấm dứt hợp đồng thuê đất với Tổng Công ty Sonadezi, sau đó là tìm phương án di dời nhà máy sản xuất của Công ty đến địa điểm phù hợp. Trên các cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới là phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 08 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí tiền điện, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	136.023.765	95.752.973
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.540.709.459	20.060.528.661
Tiền đang chuyển	-	7.878.317.808
Các khoản tương đương tiền (*)	86.000.000.000	-
	90.676.733.224	28.034.599.442

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 86.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	22.501.752.924	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	-	15.525.679.589	-
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	-	6.976.073.335	-
Bên khác	4.573.264.260	-	40.651.642.636	-
Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường	4.500.771.660	-	-	-
Chip Mong Group Ltd	-	-	40.373.847.888	-
Các đối tượng khác	72.492.600	-	277.794.748	-
	4.573.264.260	-	63.153.395.560	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH MTV Môi trường Phúc An Khang	-	-	136.500.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	535.268.740	-	-	-
Các đối tượng khác	44.457.929	-	44.214.618	-
	579.726.669	-	180.714.618	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	247.665.753	-	-	-
Tạm ứng	10.000.000	-	50.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu khác	-	-	12.250.000	-
	317.665.753	-	112.250.000	-

7 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Hàng tồn kho	252.450.000	-	-	-
	252.450.000	-	-	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	70.912.826.276	(4.491.866.125)	95.186.930.351	-
Công cụ, dụng cụ	24.671.891	-	68.716.335	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	35.909.468.185	-
Thành phẩm	-	-	63.601.058.193	-
	70.937.498.167	(4.491.866.125)	194.766.173.064	-

Công ty Cổ phần Thép VICASA

Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí đi đời, cải tạo, nâng cấp xưởng luyện cán thép	-	575.983.500
	<u>-</u>	<u>575.983.500</u>

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	60.860.157.311	289.405.506.230	34.108.914.806	8.445.137.505	392.819.715.852					
- Thanh lý, nhượng bán	(168.671.340)	(12.229.283.890)	(330.000.000)	-	(12.727.955.230)					
Số dư cuối năm	<u>60.691.485.971</u>	<u>277.176.222.340</u>	<u>33.778.914.806</u>	<u>8.445.137.505</u>	<u>380.091.760.622</u>					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	60.539.133.767	274.495.954.378	32.768.997.508	7.870.908.716	375.674.994.369					
- Khấu hao trong năm	204.475.845	8.062.580.566	346.916.665	242.336.516	8.856.309.592					
- Thanh lý, nhượng bán	(168.671.340)	(11.795.121.221)	(201.666.665)	-	(12.165.459.226)					
Số dư cuối năm	<u>60.574.938.272</u>	<u>270.763.413.723</u>	<u>32.914.247.508</u>	<u>8.113.245.232</u>	<u>372.365.844.735</u>					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	321.023.544	14.909.551.852	1.339.917.298	574.228.789	17.144.721.483					
Tại ngày cuối năm	<u>116.547.699</u>	<u>6.412.808.617</u>	<u>864.667.298</u>	<u>331.892.273</u>	<u>7.725.915.887</u>					

- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 320.604.154.313 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	95.508.891	949.045.162
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	462.805.133
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	679.403.335	39.114.000
	<u>774.912.226</u>	<u>1.450.964.295</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.653.714.452	6.978.442.122
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	395.209.692
	<u>2.653.714.452</u>	<u>7.373.651.814</u>

Y
UHA
TOP
C
HA

Công ty Cổ phần Thép VICASA

Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

12 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	24.187.827.950	24.187.827.950	177.431.367.038	201.619.194.988	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	36.245.764.688	36.245.764.688	103.353.549.045	139.599.313.733	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	48.231.118.167	48.231.118.167	-	-
	60.433.592.638	60.433.592.638	329.016.034.250	389.449.626.888	-	-

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	1.108.543.875	1.108.543.875
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	-	262.095.143	262.095.143
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	-	-	706.354.000	706.354.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	-	-	122.422.747	122.422.747
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	-	2.414.929	2.414.929
Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	-	-	15.257.056	15.257.056
Bên khác	49.677.345	49.677.345	45.928.426.470	45.928.426.470
Công ty TNHH Phế liệu Huy Hoàng Gia	-	-	18.990.170.100	18.990.170.100
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Phúc Ấn	-	-	7.767.217.700	7.767.217.700
Công ty TNHH Thương mại Tân Thiện Hòa	-	-	7.137.559.000	7.137.559.000
Công ty TNHH Thảo Hùng Phát	-	-	2.482.865.000	2.482.865.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo Vệ Phát Minh Vượng	35.241.480	35.241.480	35.241.480	35.241.480
Công ty Cổ phần Hai Bốn Bảy	14.024.531	14.024.531	-	-
Các đối tượng khác	411.334	411.334	9.515.373.190	9.515.373.190
	49.677.345	49.677.345	47.036.970.345	47.036.970.345

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Gia Hân Vĩnh Long	50.000.000	-
	50.000.000	-

Công ty Cổ phần Thép VICASA

Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	4.928.742.999	3.736.308.106	-	-	-	-	1.192.434.893
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	71.070.505	71.070.505	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	351.085.532	-	-	-	-	-	-	351.085.532	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	-	1.518.783.745	1.518.783.745	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	-	12.211.200	12.211.200	-	-	-	-	-
Phí môn bài	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	350.000.000	350.000.000	-	-	-	-	-
	351.085.532	-	-	6.883.808.449	5.691.373.556	-	-	351.085.532	-	1.192.434.893

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	47.686.363
Trích trước chi phí mua hàng	-	3.225.703.900
Trích trước tiền điện	18.155.546	4.515.379.402
Chi phí phải trả khác	85.000.000	85.000.000
	103.155.546	7.873.769.665

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	474.258.667	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	390.626.670
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	494.400.781	651.057.776
Các khoản phải trả, phải nộp khác	396.040.185	432.478.463
	1.364.699.633	1.474.162.909

Công ty Cổ phần Thép VICASA

Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	4.880.239.295	192.194.349.675
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.036.982.948	1.036.982.948
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(874.935.712)	(874.935.712)
Số dư cuối năm trước	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	5.042.286.531	192.356.396.911
Số dư đầu năm nay	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	5.042.286.531	192.356.396.911
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(22.255.833.865)	(22.255.833.865)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(103.698.295)	(103.698.295)
Số dư cuối năm nay	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	(17.317.245.629)	169.996.864.751

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 03/NQ-DHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025, Công ty công bố việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2024 với giá trị quỹ trích lập là 103.698.295 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Bùi Tuấn Anh	65,00	98.718.750.000	0,00	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	0,00	-	65,00	98.718.750.000
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	7,14	10.846.290.000	7,14	10.846.290.000
Các cổ đông khác	27,86	42.308.180.000	27,86	42.308.180.000
	100	151.873.220.000	100	151.873.220.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	151.873.220.000	151.873.220.000
- Vốn góp cuối năm	151.873.220.000	151.873.220.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	651.057.776	793.020.101
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(156.656.995)	(141.962.325)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(156.656.995)	(141.962.325)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	494.400.781	651.057.776

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.187.322	15.187.322
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.999.169.000	14.999.169.000
	14.999.169.000	14.999.169.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp để thuê đất tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng từ năm 2001 đến năm 2051. Diện tích khu đất thuê là 197.436 m². Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang làm thủ tục chấm dứt hợp đồng. Chi tiết xem tại Thuyết minh 34.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	2.928,79	235.155,64

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	916.288.398.395	1.354.477.308.890
Doanh thu gia công	3.970.387.600	1.887.832.640
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	96.003.488.754	502.940.348
Doanh thu khác	2.726.877.751	5.051.052.969
	1.018.989.152.500	1.361.919.134.847
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	835.923.992.488	1.016.972.112.908

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.407.172.400	4.161.082.266
	1.407.172.400	4.161.082.266
Trong đó: Các khoản giảm trừ đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	1.407.172.400	4.161.082.266

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	896.623.828.951	1.324.052.521.395
Giá vốn dịch vụ gia công	2.583.390.744	1.660.800.560
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	93.398.230.728	390.725.204
Giá vốn khác	3.385.573.732	2.015.036.005
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.491.866.125	-
	1.000.482.890.280	1.328.119.083.164
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	3.321.891.989	4.655.861.889

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	514.512.934	150.930.177
Lãi bán hàng trả chậm	-	106.239.928
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.645.947.658	741.673.652
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	604.357	66.500.348
	2.161.064.949	1.065.344.105
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	-	17.904.118

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.647.931.228	3.617.829.729
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	270.039.364	46.197.164
Chi phí tài chính khác	-	9.779.591
	1.917.970.592	3.673.806.484
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	6.492.442	9.779.591

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.746.987	341.970.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.701.908.530	7.805.089.432
Chi phí khác bằng tiền	165.581.982	4.591.945.148
	8.070.237.499	12.739.005.135
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	2.890.864.121	5.175.253.463

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.657.780.430	2.166.883.615
Chi phí nhân công	9.364.723.450	5.725.244.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	241.626.949	321.499.516
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(4.701.735.000)
Thuế, phí, và lệ phí	15.211.200	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.658.488.654	4.531.749.770
Chi phí khác bằng tiền	7.849.904.624	5.197.961.992
	25.787.735.307	13.244.604.487

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.071.443.996	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC, phế phẩm	272.755.840	-
	2.344.199.836	-
Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	187.566.840	-

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí trong thời gian ngưng sản xuất	7.703.714.584	-
Các khoản bị phạt	350.000.000	-
Chi phí khác	30.530.488	-
	8.084.245.072	-

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(22.255.833.865)	1.046.897.416
Các khoản điều chỉnh tăng	2.383.051.794	232.726.130
- Chi phí không hợp lệ	1.249.633.500	232.726.130
- Chi phí lãi vay không được trừ theo ND132/2020/NĐ-CP	1.133.418.294	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(604.357)	(1.230.051.208)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(604.357)	(66.500.348)
- Chi phí lãi vay được trừ chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo theo ND132/2020/NĐ-CP	-	(1.163.550.860)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(19.873.386.428)	49.572.338
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	9.914.468
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(351.085.532)	551.054.489
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(912.054.489)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(351.085.532)	(351.085.532)

Lỗ tính thuế chưa sử dụng và các ưu đãi thuế chưa sử dụng nhưng chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vào Bảng cân đối kế toán:

- Lỗ tính thuế chưa sử dụng:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Lỗ tính thuế	Lỗ tính thuế đã sử dụng	Lỗ tính thuế còn được chuyển sang các năm sau
2025	Chưa thanh tra	19.873.386.428	-	19.873.386.428

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Bộ Tài chính được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Bộ Tài chính ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA không được trừ các năm	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng	Chi phí lãi vay không được trừ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
		VND	VND	VND
2025	Chưa thanh tra	1.133.418.294	-	1.133.418.294

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(22.255.833.865)	1.036.982.948
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(22.255.833.865)	1.036.982.948
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.187.322	15.187.322
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.465)	68

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	758.824.946.565	1.134.868.020.640
Chi phí nhân công	47.803.134.336	69.987.022.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.743.174.334	10.921.049.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.102.501.795	144.030.722.950
Chi phí khác bằng tiền	9.864.713.553	9.360.914.446
	930.338.470.583	1.369.167.729.566

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.540.709.459	-	-	90.540.709.459
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.890.930.013	-	-	4.890.930.013
	95.431.639.472	-	-	95.431.639.472
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.938.846.469	-	-	27.938.846.469
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.265.645.560	-	-	63.265.645.560
	91.204.492.029	-	-	91.204.492.029

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	1.414.376.978	-	-	1.414.376.978
Chi phí phải trả	103.155.546	-	-	103.155.546
	1.517.532.524	-	-	1.517.532.524
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	60.433.592.638	-	-	60.433.592.638
Phải trả người bán, phải trả khác	48.511.133.254	-	-	48.511.133.254
Chi phí phải trả	7.873.769.665	-	-	7.873.769.665
	116.818.495.557	-	-	116.818.495.557

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	329.016.034.250	1.067.259.553.458
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	389.449.626.888	1.170.307.156.192

34 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/02/2012, Ủy ban Nhân dân (gọi tắt là "UBND") tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ. Theo đó, toàn bộ khu vực này, bao gồm cả nhà máy của Công ty, thuộc diện phải di dời. Theo Quyết định số 324/QĐ ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai, tiến độ di dời nhà máy của Công ty thuộc giai đoạn 2, hoàn thành trước tháng 12/2025.

Ngày 11/04/2025, UBND thành phố Biên Hòa đã ban hành Thông báo số 438/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án chuyển đổi nói trên, trong đó diện tích đất của Công ty dự kiến bị thu hồi là khoảng 203.829,70 m². Bên cạnh đó, ngày 09/05/2025, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1515/QĐ-XPHC đối với Công ty do không có giấy phép môi trường theo quy định, đồng thời đình chỉ hoạt động sản xuất trong thời hạn 3,75 tháng kể từ ngày 23/05/2025 và yêu cầu Công ty phải di dời toàn bộ cơ sở sản xuất trước ngày 01/12/2025 đến địa điểm phù hợp với quy hoạch và phân vùng môi trường.

Ngày 10/07/2025, Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (gọi tắt là "Tổng Công ty Sonadezi") đã có Công văn số 484/SNZ-DAKD về việc thanh lý hợp đồng thuê đất tại KCN Biên Hòa 1 để triển khai thực hiện đề án chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ. Theo nội dung Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 22/06/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về tiến độ triển khai di dời các doanh nghiệp trong KCN Biên Hòa 1 trước ngày 01/08/2025, do đó Tổng Công ty Sonadezi sẽ chấm dứt cung cấp dịch vụ hạ tầng KCN Biên Hòa 1 kể từ ngày 01/08/2025. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang làm việc với Tổng Công ty Sonadezi để tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng thuê đất và sử dụng hạ tầng trong KCN Biên Hòa 1.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025, các cổ đông Công ty thông qua chủ trương đầu tư dự án có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Theo đó, Cổ đông thông qua chủ trương đầu tư "Dự án di dời Công ty Cổ phần Thép VICASA -VNSTEEL" đến địa điểm mới. Dự án này có tổng mức đầu tư dự kiến từ 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự kiến từ năm 2025 đến 2027. Đồng thời, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 06/02/2026, các cổ đông Công ty đã thông qua việc thay đổi trụ sở chính Công ty đến số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, nhằm từng bước hoàn tất các thủ tục bàn giao mặt bằng, chấm dứt hợp đồng thuê đất với Tổng Công ty Sonadezi, sau đó là tìm phương án di dời nhà máy sản xuất của Công ty đến địa điểm phù hợp.

Tuy nhiên do gặp nhiều vấn đề khó khăn, Công ty chưa có phương án chính thức về kế hoạch di dời nhà máy.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Tuấn Anh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm mạ Công nghiệp Vingal	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam	Cùng công ty mẹ (*)

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau (tiếp theo):

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Vinausteel	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Liên doanh Vật liệu Chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Trúc Thôn	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Nasteelvina	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Trung Tâm Thương mại Quốc Tế (IBC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Thép VSC - POSCO (VPS)	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Nassin Logistics	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường	Ông Nguyễn Bảo Giang là Chủ tịch HĐQT của Công ty (**)
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Người quản lý chủ chốt

(*) Ngày 23/10/2025, Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đã hoàn tất việc thoái toàn bộ 65% cổ phần tại Công ty. Theo đó, kể từ ngày 24/10/2025, Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và các thành viên là bên liên quan của Công ty này không còn là bên liên quan của Công ty. Các giao dịch phát sinh với các bên nêu trên được trình bày số liệu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 23/10/2025 như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 23/10/2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	751.130.327.593	1.016.972.112.908
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	65.203.267.017	36.583.197.623
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	349.182.076.036	725.335.273.908
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	156.552.093.412	119.978.738.726
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	100.970.776	89.370.576
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	30.825.000	215.905.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	11.033.052.452	50.436.774.529
- Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	130.696.207.800	84.327.398.000
- Công ty Tôn Phương Nam	-	5.454.546
- Công ty Cổ phần Vinausteel	38.331.835.100	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.407.172.400	4.161.082.266
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.407.172.400	4.161.082.266
Mua hàng hóa, vật tư	3.321.891.989	4.655.861.889
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	498.000.000	996.000.000
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	129.629.500	-
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	1.394.866.500	3.199.714.000
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	4.176.545	87.786.815
- Công ty Liên doanh Nippovina	-	358.887.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	1.253.175.000	-
- Công ty Cổ phần Giao nhận ngoại thương Việt Nam	42.044.444	13.474.074
Doanh thu hoạt động tài chính	-	17.904.118
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	7.034.023
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	10.870.095
Chi phí tài chính	6.492.442	9.779.591
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	6.492.442	9.779.591
Chi phí bán hàng	2.890.864.121	5.175.253.463
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.201.384.394	4.050.773.600
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	145.969.692	220.977.568
- Công ty Cổ phần Giao nhận ngoại thương Việt Nam	1.529.451.270	872.605.800
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	14.058.765	30.896.495

(**) Ngày 26/12/2025, Ông Nguyễn Bảo Giang miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty, do đó, các giao dịch phát sinh của Công ty với Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường được trình bày từ ngày 01/01/2025 đến ngày 26/12/2025 như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 26/12/2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.793.664.895	-
- Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường	84.793.664.895	-
Thu nhập khác	187.566.840	-
- Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường	187.566.840	-

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		2.774.749.368	4.788.508.884
Ông Nguyễn Phú Dương	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 26/12/2025)	54.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/04/2025)	369.108.000	575.168.000
Ông Ngô Tiến Thọ	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 12/02/2026) Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 26/12/2025)	537.106.000	168.245.000
Ông Huỳnh Công Du	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 09/08/2024) Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 18/10/2024)	-	561.355.000
Ông Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/04/2025)	24.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/12/2025)	60.000.000	60.000.000
Ông Dương Văn Hà	Thành viên HĐQT (Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 26/12/2025)	36.000.000	-
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/12/2025)	60.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 05/04/2024)	-	200.055.500
Ông Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2025)	283.155.000	487.848.000
Ông Vũ Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/01/2026)	430.579.000	429.893.500
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2026)	447.172.000	416.782.000
Ông Hoàng Đức Hoa	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	-	206.605.500
Bà Ngô Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban kiểm soát (Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 26/12/2025)	36.000.000	-
Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 09/04/2025)	159.578.000	418.889.000
Ông Nguyễn Bạch Đường	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/12/2025)	233.051.368	341.411.398
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/12/2025)	45.000.000	42.000.000
Ông Hồ Duy Khải	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 10/04/2023)	-	350.847.727
Bà Trương Thị Kim Anh	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 20/10/2024)	-	445.408.259

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Khắc Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Thép VICASA, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thép VICASA trân trọng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS):

1. Về nhân sự và các cuộc họp của BKS:

Ban kiểm soát Công ty CP Thép VICASA năm 2025 gồm các thành viên:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu làm thành viên BKS	Ngày chấm dứt làm thành viên BKS	Số buổi tham dự họp BKS	Tỉ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban	10/04/2023	09/04/2025	2/2	100%
2	Ông Nguyễn Bạch Đường	Ủy viên	10/04/2023	26/12/2025	4/4	100%
3	Ông Đặng Minh Đức	Ủy viên	10/04/2023	26/12/2025	4/4	100%
4	Bà Ngô Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	09/4/2025	26/12/2025	2/2	100%
5	Ông Nguyễn Hoàng Long	Trưởng ban	26/12/2025		1/1	100%
6	Bà Bùi Thị Đoan Thục	Ủy viên	26/12/2025		1/1	100%
7	Bà Lê Thị Mộng Tuyền	Ủy viên	26/12/2025		1/1	100%

2. Về hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến và kiến nghị trong phạm vi quyền hạn, chức năng theo điều lệ quy định.
- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch năm 2025;
- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành;
- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư XD CB và sửa chữa lớn năm 2025
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính năm 2025 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

3. Thu nhập năm 2025 của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2025 (VNĐ)	Thù lao + thưởng (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
1	Nguyễn Phước Hải	Trưởng BKS (Miễn nhiệm 09/04/2025)	159.578.000	-	159.578.000
2	Ngô Thị Minh Nguyệt	Trưởng BKS (Bổ nhiệm 09/4/2025; miễn nhiệm 26/12/2025)	-	36.000.000	36.000.000
3	Nguyễn Hoàng Long	Trưởng BKS (Bổ nhiệm 26/12/2025)	-	-	-
4	Nguyễn Bạch Đường	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 26/12/2025)	188.051.368	45.000.000	233.051.368
5	Đặng Minh Đức	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 26/12/2025)	-	45.000.000	45.000.000
6	Bùi Thị Đoan Thục	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 26/12/2025)	-	-	-
7	Lê Thị Mộng Tuyền	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 26/12/2025)	-	-	-
	Tổng cộng		347.629.368	126.000.000	473.629.368

Mức thù lao trên đây được thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH:

- HĐQT Công ty đã tiến hành đầy đủ các phiên họp để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch công tác trong kỳ, đề ra chương trình hoạt động tiếp theo.

- Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong biên bản cuộc họp và có nghị quyết của HĐQT giao cho ban điều hành triển khai thực hiện.

- Ban điều hành có nhiều cố gắng bám sát triển khai nghị quyết của HĐQT giao và các công việc khác.

1. Về tình hình tài chính năm 2025:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ (CK)	Số đầu kỳ (ĐK)	Chênh lệch CK / ĐK	
				Giá trị	Tỉ lệ
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3 / 2
A	TỔNG TÀI SẢN	174.351	319.965	-145.614	-45,51
I	Tài sản ngắn hạn	163.971	294.871	-130.899	-44,39
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	90.677	28.035	62.642	223,45
2	Các khoản phải thu	5.723	63.446	-57.723	-90,98
3	Hàng tồn kho	66.446	194.766	-128.321	-65,88
4	Tài sản ngắn hạn khác	1.126	8.624	-7.498	-86,94
II	Tài sản dài hạn	10.380	25.094	-14.715	-58,64
1	Tài sản cố định	7.726	17.145	-9.419	-54,94
2	Tài sản dở dang dài hạn	-	576	-576	-100,00
3	Tài sản dài hạn khác	2.654	7.374	-4.720	-64,01
B	TỔNG NGUỒN VỐN	174.351	319.965	-145.614	-45,51

I	Nợ phải trả	4.354	127.609	-123.255	-96,59
1	Nợ ngắn hạn	4.354	127.609	-123.255	-96,59
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	169.997	192.356	-22.360	-11,62
1	Vốn chủ sở hữu	169.997	192.356	-22.360	-11,62

1.1. Tình hình tài sản:

Tại thời điểm cuối kỳ, tổng tài sản của Công ty đạt 174.351 triệu đồng, giảm 145.614 triệu đồng (tương ứng 45,51%) so với đầu kỳ.

a) Tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn đạt 163.971 triệu đồng, giảm 130.899 triệu đồng (giảm 44,39%). Nguyên nhân chủ yếu do hàng tồn kho giảm 128.321 triệu đồng (65,88%) và các khoản phải thu giảm 57.723 triệu đồng (90,98%). Ngược lại, tiền và các khoản tương đương tiền tăng 62.642 triệu đồng (223,45%), cho thấy Công ty đã thu hồi đáng kể các khoản công nợ và giảm lượng tồn kho trong kỳ.

b) Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn đạt 10.380 triệu đồng, giảm 14.715 triệu đồng (58,64%), chủ yếu do tài sản cố định hữu hình giảm 9.419 triệu đồng (54,94%) và giảm các tài sản dài hạn khác.

1.2. Tình hình nguồn vốn:

Tại thời điểm cuối kỳ, tổng nguồn vốn của Công ty đạt 174.351 triệu đồng, giảm 145.614 triệu đồng (tương ứng 45,51%) so với đầu kỳ.

Nợ phải trả cuối kỳ là 4.354 triệu đồng, giảm mạnh 123.255 triệu đồng (96,59%) so với đầu kỳ, chủ yếu do giảm nợ ngắn hạn. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu đạt 169.997 triệu đồng, giảm 22.360 triệu đồng (11,62%), chủ yếu do lỗ từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của Công ty chủ yếu là vốn chủ sở hữu, tỷ trọng nợ phải trả thấp, cho thấy mức độ tự chủ tài chính cao và rủi ro tài chính thấp.

2. Về tình hình đầu tư, sửa chữa lớn:

Kế hoạch đầu tư, sửa chữa lớn trong năm 2025 là 7,150 tỷ đồng. Trong năm 2025, công ty đã thực hiện công tác sửa chữa lớn với tổng số tiền là 4,492 tỷ đồng. Trong đó, chi phí sửa chữa máy biến thế là 4,268 tỷ đồng chiếm 95,01% chi phí sửa chữa lớn trong năm.

3. Các chỉ số tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ số	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	5,95%	7,84%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	94,05%	92,16%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	2,50%	39,88%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	97,50%	60,12%
5	Khả năng thanh toán nhanh	lần	22,40	0,78
6	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	37,66	2,31
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	-2,19%	0,08%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	-12,76%	0,32%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-13,09%	0,54%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VND	-1.465	68

Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu tập trung ở tài sản ngắn hạn, chiếm 94,05% tổng tài sản năm 2025 (năm 2024: 92,16%), trong khi tài sản dài hạn chiếm 5,95% (năm 2024:

7,84%), cho thấy tài sản của Công ty chủ yếu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ngắn hạn.

Về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả/Tổng nguồn vốn giảm mạnh từ 39,88% xuống còn 2,50%, trong khi vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn tăng từ 60,12% lên 97,50%, cho thấy mức độ tự chủ tài chính của Công ty tăng cao và phụ thuộc rất ít vào nguồn vốn vay.

Các chỉ số thanh toán của Công ty ở mức cao, với khả năng thanh toán nhanh đạt 22,40 lần và khả năng thanh toán hiện hành đạt 37,66 lần, tăng mạnh so với năm 2024, cho thấy Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn rất tốt.

Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm 2025 giảm, thể hiện qua tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (-2,19%), ROA (-12,76%) và ROE (-13,09%) đều ở mức âm, trong khi năm 2024 vẫn duy trì ở mức dương. EPS năm 2025 đạt -1.465 đồng/cổ phiếu, giảm so với mức 68 đồng/cổ phiếu của năm 2024, phản ánh kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.

III. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025:

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2025	TH năm 2024	Tăng giảm so cùng kỳ	% tăng giảm so cùng kỳ
A	B	1	2	3=1-2	4 = 3/2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.018.989	1.361.919	-342.930	-25,18
2	Các khoản giảm trừ	1.407	4.161	-2.754	-66,18
	Chiết khấu thương mại	1.407	4.161	2.754	-66,18
3	Doanh thu thuần	1.017.582	1.357.758	-340.176	-25,05
4	Giá vốn hàng bán	1.000.483	1.328.119	-327.636	-24,67
5	Lợi nhuận gộp	17.099	29.639	-12.540	-42,31
6	Doanh thu HĐTC	2.161	1.065	1.096	102,85
7	Chi phí HĐTC	1.918	3.674	-1.756	-47,79
8	<i>Trong đó : chi phí lãi vay</i>	1.648	3.618	-1.970	-54,45
9	Chi phí bán hàng	8.070	12.739	-4.669	-36,65
10	Chi phí QLDN	25.788	13.245	12.543	94,70
11	Lợi nhuận từ HĐKD	-16.516	1.047	-17.563	-1.677,59
12	Thu nhập khác	2.907		2.907	
13	Chi phí khác	8.647		8.647	
14	Lợi nhuận khác	-5.740		-5.740	
15	Tổng lợi nhuận trước thuế	-22.256	1.047	-23.303	2.225,88
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành (20%)		10		
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-22.256	1.037	-23.293	2.246,21

Nhận xét:

1/ Về thực hiện so với kế hoạch năm:

- Lợi nhuận năm 2025 không đạt so với kế hoạch năm (TH -22.256 triệu đồng / KH 5.000 triệu đồng).

2/ Về thực hiện so với cùng kỳ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 1.018.989 triệu đồng, giảm 342.930 triệu đồng (25,18%) so với năm 2024. Sau khi trừ các khoản giảm trừ, doanh thu thuần đạt 1.017.582 triệu đồng, giảm 340.176 triệu đồng (25,05%) so với cùng kỳ.

Giá vốn hàng bán năm 2025 là 1.000.483 triệu đồng, giảm 24,67% so với năm trước, làm cho lợi nhuận gộp đạt 17.099 triệu đồng, giảm 12.540 triệu đồng (42,31%).

Trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính đạt 2.161 triệu đồng, tăng 102,85%, trong khi chi phí tài chính giảm 47,79%, chủ yếu do chi phí lãi vay giảm 54,45%. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng giảm 36,65%, tuy nhiên chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh 94,70%, ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh.

Do đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2025 lỗ 16.516 triệu đồng, trong khi năm 2024 lãi 1.047 triệu đồng. Ngoài ra, trong năm Công ty phát sinh lỗ khác 5.740 triệu đồng, dẫn đến tổng lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2025 lỗ 22.256 triệu đồng, giảm mạnh so với mức lợi nhuận sau thuế 1.037 triệu đồng của năm 2024.

IV. ĐÁNH GIÁ VIỆC HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2025:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tăng giảm so cùng kỳ	% tăng giảm so cùng kỳ	% thực hiện so kế hoạch
A	B	1	2	1	3=1-2	4 = 3/2	3=1-2
1	Sản xuất (Tấn)						
1.1	Phôi thép	103.498	150.000	64.622	-38.876	-37,56	43,08
1.2	Thép cán	81.843	105.000	40.302	-41.541	-50,76	38,38
2	Tiêu thụ (Tấn)						
2.1	Phôi thép	19.183	42.000	29.214	10.031	52,29	69,56
2.2	Thép cán	82.508	105.000	45.184	-37.324	-45,24	43,03

Nhận xét:

1/ Về thực hiện so với kế hoạch năm:

- Sản lượng SX phôi thép đạt 43,08% (64.622 tấn / 150.000 tấn).
- Sản lượng SX thép cán đạt 38,38% (40.302 tấn / 105.000 tấn).
- Sản lượng tiêu thụ phôi thép đạt 69,56% (29.214 tấn / 42.000 tấn)
- Sản lượng tiêu thụ thép cán đạt 43,03% (45.184 tấn / 105.000 tấn).

2/ Về thực hiện so với cùng kỳ:

- Sản lượng SX phôi thép so với cùng kỳ giảm 37,56% (-38.876 tấn).
- Sản lượng SX thép cán so với cùng kỳ giảm 50,76% (-41.541 tấn).
- Sản lượng tiêu thụ phôi thép so với cùng kỳ tăng 52,29% (10.031 tấn).
- Sản lượng tiêu thụ thép cán so với cùng kỳ giảm 45,24% (-37.324 tấn).

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH và các cổ đông được đánh giá là hiệu quả, đảm bảo tính độc lập và thường xuyên liên tục. Cụ thể:

- BKS được cung cấp các tài liệu, thông tin về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định;

- BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT và các cuộc họp giao ban của BĐH;
- BKS thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT, thành viên BĐH các vấn đề liên quan đến quản trị, điều hành;
- Các khuyến nghị của BKS gửi tới HĐQT, BĐH đều được nghiêm túc xem xét thực hiện và phản hồi kịp thời;
- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
- Trong năm, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào từ phía các cổ đông.

VI. BÁO CÁO GIAO DỊCH CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN PHÁT SINH NĂM 2025

Trong năm 2025 Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan của Công ty như sau:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Đơn vị 100% vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 349.182.076.036 đồng Các khoản giảm trừ doanh thu: 1.407.172.400 đồng Mua hàng hóa, vật tư: 498.000.000 đồng Chi phí tài chính: 6.492.442 đồng Chi phí bán hàng : 1.201384.394 đồng	
2	Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 156.552.093.412 đồng Chi phí bán hàng: 14.058.765 đồng	
3	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 130.696.207.800 đồng	
4	Công ty Cổ phần Kim Khí TP.Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 65.203.267.017 đồng Mua hàng hóa, vật tư: 1.253.175.000 đồng	

5	Công ty Cổ phần Cơ Khí Luyện Kim	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 30.825.000 đồng Mua hàng hóa, vật tư: 1.394.866.500 đồng	
6	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 100.970.776 đồng Chi phí bán hàng: 145.969.692 đồng	
7	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty liên kết với Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 11.033.052.452 đồng	
8	Công ty Cổ phần Lưới Thép Bình Tây	Công ty liên kết với Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Mua hàng hóa, vật tư: 4.176.545 đồng	
9	Công ty TNHH MTV Vinausteel	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 08/NQ-HĐQT-VCA ngày 08/9/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 38.331.835.100 đồng	Gia công thép cán
10	Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Mua dịch vụ: 42.044.444 đồng Chi phí bán hàng: 1.529.451.270 đồng	
11	Công ty CP Mạ Kẽm Công Nghiệp Vingal - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐQT-VCA ngày 25/12/2024	Mua hàng hóa vật tư: 129.629.500 đồng	
12	Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Ông Nguyễn Bảo Giang (TV HĐQT Công ty) giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Nghị Quyết số: 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 84.793.664.895 đồng	

Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 130.696.207.800 đồng	
2	Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Ông Nguyễn Bảo Giang (TV HĐQT Công ty) giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Nghị Quyết số: 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 84.793.664.895 đồng	

Báo cáo về giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

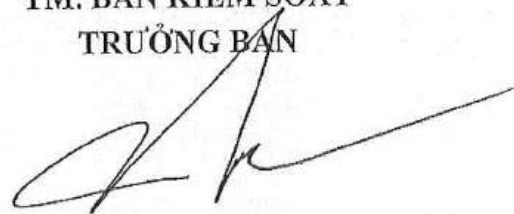
Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Nghị Quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 130.696.207.800 đồng	
2	Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Ông Nguyễn Bảo Giang (TV HĐQT Công ty) giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường	Nghị Quyết số: 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 84.793.664.895 đồng	

VII. KIẾN NGHỊ:

Đề nghị Hội đồng quản trị sớm triển khai dự án di dời công ty để sớm khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát nhất trí thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hoàng Long

Số: 03 /TTr-HĐQT-VCA

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Thép VICASA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép VICASA;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.

Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép VICASA kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận năm trước chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2024	4.938.588.236
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	-22.255.833.865
3	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến ngày 31/12/2025	-17.317.245.629
4	Chia cổ tức 0% vốn điều lệ (VĐL: 151.873.220.000 VNĐ)	0
5	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0
6	Quỹ thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành	0
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2025	-17.317.245.629

Trên đây phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025 của Công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bảo Khánh

Số: 04 /TTr-HĐQT-VCA

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính gửi: ĐHCĐ Công ty cổ phần Thép VICASA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép VICASA;

- Căn cứ tình hình thực tế và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép VICASA kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

1. Kế hoạch triển khai di dời Công ty:

Thực hiện triển khai di dời Công ty đến địa điểm mới. Phần đầu đến tháng 01/2027 sẽ khôi phục sản xuất thép cán, cuối năm 2027 sẽ khôi phục sản xuất thép luyện.

2. Kế hoạch kết quả kinh doanh:

Do Công ty đang trong giai đoạn tháo dỡ và triển khai di dời nên không có hoạt động sản xuất chính, vì vậy Công ty không đề ra kế hoạch lợi nhuận của năm 2026.

Trên đây là kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bảo Khánh

Số: 05 /TTr-HĐQT-VCA

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về tiền lương và thù lao của Hội đồng Quản trị,
Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2026**

Kính gửi: ĐHCĐ Công ty cổ phần Thép VICASA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép VICASA;

- Căn cứ tình hình thực tế và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép VICASA kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét và thông qua:

1. Tiền lương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành:

Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định, phải đảm bảo đúng các quy định của Nhà nước và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Trong giai đoạn triển khai di dời cho đến khi Công ty khôi phục hoạt động sản xuất chính (thép cán hoặc phôi thép): Không có thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Khi Công ty bắt đầu khôi phục hoạt động sản xuất chính: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao (Không được vượt quá mức thực chi của năm 2025) và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bảo Khánh

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua chủ trương hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Thành viên HĐQT Công ty

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Thép VICASA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép VICASA;
- Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty;

Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với các bên có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điểm b Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép VICASA kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua chủ trương về việc ký kết hợp đồng, giữa Công ty CP Thép VICASA với người có liên quan của Thành viên HĐQT, thực hiện giao dịch trong năm 2026 đến thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027, cụ thể theo danh sách đính kèm:

DANH SÁCH GIAO DỊCH VỚI CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT:

Stt	Tên Công ty	Mối quan hệ có liên quan đến Thành viên HĐQT	Nội dung Hợp đồng/giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Ông Phạm Quý Giáp là Thành viên HĐQT	Mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu, tài sản...	≥ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty



Stt	Tên Công ty	Mối quan hệ có liên quan đến Thành viên HĐQT	Nội dung Hợp đồng/giao dịch	Giá trị giao dịch
2	Công Ty Cổ Phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Ông Nguyễn Bảo Khánh là Thành viên HĐQT	Mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu, tài sản...	≥ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
3	Công ty TNHH dịch vụ và đầu tư Hoàng An	Ông Bùi Tuấn Anh là Giám đốc kinh doanh	Mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu, tài sản...	≥ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bảo Khánh



Số: 07 /TTr-HĐQT-VCA

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Thép VICASA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép VICASA.
- Căn cứ đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát về việc lựa chọn danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2026, kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách công ty kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2026, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 theo danh sách như sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và ký kết hợp đồng với đơn vị kiểm toán theo danh sách đã trình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bảo Khánh

Số:/NQ-ĐHĐCĐ-VCA

Đồng Nai, ngày 24 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thép VICASA;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thép VICASA ngày 24/04/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2026

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Năm 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % so với năm trước	Tỷ lệ % so với KH 2025
I	Sản xuất:						
1	- Phôi thép	Tấn	103.498	150.000	64.622	62,44	43,08
2	- Thép cán	Tấn	81.843	105.000	40.302	49,24	38,38
II	Tiêu thụ:						
1	- Phôi thép	Tấn	19.183	42.000	29.214	152,29	69,56
2	- Thép cán	Tấn	82.508	105.000	45.184	54,76	43,03
III	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.358	1.358	1.017	74,88	74,88
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,047	5,00	(22,26)		
V	Cổ tức	%	-	-	-	-	-

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

Thực hiện triển khai di dời Công ty đến địa điểm mới. Phần đầu đến tháng 01/2027 sẽ khôi phục sản xuất thép cán, cuối năm 2027 sẽ khôi phục sản xuất thép luyện.

Điều 2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Điều 3. Báo cáo đánh giá của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Điều 4. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Điều 5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Điều 6. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận năm trước chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2024	4.938.588.236
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	-22.255.833.865
3	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến ngày 31/12/2025	-17.317.245.629
4	Chia cổ tức 0% vốn điều lệ (VĐL: 151.873.220.000 VNĐ)	0
5	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0
6	Quỹ thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành	0
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2025	-17.317.245.629

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Điều 7. Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2026

- **Kế hoạch triển khai di dời Công ty:** Thực hiện triển khai di dời Công ty đến địa điểm mới. Phần đầu đến tháng 01/2027 sẽ khôi phục sản xuất thép cán, cuối năm 2027 sẽ khôi phục sản xuất thép luyện.

- **Kế hoạch kết quả kinh doanh:**

Do Công ty đang trong giai đoạn tháo dỡ và triển khai di dời nên không có hoạt động sản xuất chính, vì vậy Công ty không đề ra kế hoạch lợi nhuận của năm 2026.

Điều 8. Tờ trình tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2026:

1. Tiền lương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành:



Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định, phải đảm bảo đúng các quy định của Nhà nước và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Trong giai đoạn triển khai di dời cho đến khi Công ty khôi phục hoạt động sản xuất chính (thép cán hoặc phôi thép): Không có thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Khi Công ty bắt đầu khôi phục hoạt động sản xuất chính: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao (Không được vượt quá mức thực chi của năm 2025) và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội

Điều 9. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty lựa chọn đơn vị soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2026 thuộc một trong hai Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội

Điều 10. Tờ trình thông qua chủ trương hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Thành viên HĐQT Công ty.

Thông qua chủ trương về việc ký kết hợp đồng, giữa Công ty với người có liên quan của Thành viên HĐQT, thực hiện giao dịch trong năm 2026 đến thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027, cụ thể như sau:

Stt	Tên Công ty	Mối quan hệ có liên quan đến Thành viên HĐQT	Nội dung Hợp đồng/giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Ông Phạm Quý Giáp là Thành viên HĐQT	- Mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu, tài sản...	≥ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
2	Công Ty Cổ Phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Ông Nguyễn Bảo Khánh là Thành viên HĐQT	- Mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu, tài sản...	≥ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
3	Công ty TNHH dịch vụ và đầu tư Hoàng An	Ông Bùi Tuấn Anh là Giám đốc kinh doanh	- Mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu, tài sản...	≥ 35 tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Điều 11: Đại hội nhất trí giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành có trách nhiệm triển khai các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 12. Giao cho Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Công ty;
- Quý cổ đông;
- Sở GD&ĐT HCM;
- Lưu: VT, HĐQT Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Bảo Khánh





CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

MẪU

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **VCA.000...**

Họ và tên Đại biểu:

Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ... cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: VCA.000...

MÃU

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu X hoặc ✓ vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025; phương hướng nhiệm vụ năm 2026			
Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025			
Nội dung 03: Báo cáo đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2025			
Nội dung 04: Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.			
Nội dung 05: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025			
Nội dung 06: Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025			
Nội dung 07: Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2026			
Nội dung 08: Tờ trình tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2026.			
Nội dung 09: Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026			
Nội dung 10: Tờ trình thông qua chủ trương hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Thành viên HĐQT Công ty			

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X hoặc ✓) vào 1 trong 3 ô: Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)